TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 8 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thảo Vy.

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 216/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thùy L, sinh năm 1982 (căn cước công dân 089182000868); cư trú tại: Ấp MT, xã MĐ, tỉnh An Giang. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Lâm Duy T, sinh năm 1980 (căn cước công dân 089080001508); cư trú tại: Ấp MT, xã MĐ, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thùy L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hòa (nay là UBND xã Mỹ Đức) vào ngày 12/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng mẫu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trầm trọng, hiện đã ly thân từ năm 2019. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà L yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lâm Phạm Tú Q, sinh ngày 01/02/2001, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Lâm Duy T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã MĐ, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/HT ngày 12/3/2010. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, Bà L và ông T đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; cả hai đã sống ly thân từ năm 2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng Bà L cương quyết ly hôn; ông T vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Qua đó, cho thấy ông T không có thiện chí hàn gắn

hạnh phúc gia đình, hôn nhân của ông bà thực tế đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà L là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thùy L được ly hôn với ông Lâm Duy T.

- Về con chung: Lâm Phạm Tú Q, sinh ngày 01/02/2001, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự: Bà Phạm Thùy L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009783 ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - An Giang).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- PTHADS KV13 – An Giang;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang